



DOI:10.22144/ctujos.2025.132

CHỦ ĐỀ KÍ ỨC TRONG NHỮNG ĐẠI LỘ VÀNH ĐAI CỦA PATRICK MODIANO VÀ MỘT CHỖ TRONG ĐỜI CỦA ANNIE ERNAUX

Phạm Phương Mai*

Đại học Thủ Dầu Một, Việt Nam

*Tác giả liên hệ (Corresponding author): maipp@tdmu.edu.vn

Thông tin chung (Article Information)

Nhận bài (Received): 13/01/2025

Sửa bài (Revised): 28/03/2025

Duyệt đăng (Accepted): 02/05/2025

Title: The theme of memory in Patrick Modiano's *Les boulevards the ceinture*, and Annie Ernaux's *La place*

Author: Pham Phuong Mai*

Affiliation(s): Thu Dau Mot University, Viet Nam

TÓM TẮT

Patrick Modiano và Annie Ernaux là hai tác giả của văn học Pháp đạt giải Nobel văn học. Cả hai đều thành công khi viết về chủ đề kí ức. Bài viết được thực hiện nhằm so sánh ý nghĩa của kí ức được thể hiện trong Những đại lộ vành đai của Patrick Modiano và Một chỗ trong đời của Annie Ernaux. Phương pháp tiếp cận thi pháp học, phương pháp tiểu sử và phương pháp so sánh được sử dụng trong nghiên cứu, kết quả cho thấy: kí ức trong cả hai tác phẩm là phương tiện để kháng chống quyền lực của nhóm người bị ngoại biên hóa. Bên cạnh đó, kí ức còn là phương tiện để kiến tạo nên hiện thực và căn tính cá nhân. Như vậy, kí ức không chỉ giúp lưu giữ quá khứ, nó còn đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nên chính nhận thức của con người về bản thân và xã hội.

Từ khóa: Annie Ernaux, căn tính, kí ức, nhóm người bị ngoại biên hóa, Patrick Modiano

ABSTRACT

Patrick Modiano and Annie Ernaux are two French authors who have won the Nobel Prize in Literature. Both have succeeded in writing about the nature of memory. This article aims to compare the significance of memory as expressed in *Les boulevards the ceinture* by Patrick Modiano and *La Place* by Annie Ernaux. By using approaches such as poetics theory, biography and comparison methods, this article concludes that memory in both works serves as a tool to resist the power of marginalized groups. Moreover, memory is also a means of constructing reality and personal identity. Thus, memory not only helps preserve the past but also plays a crucial role in shaping individuals' awareness of themselves and society.

Keywords: Annie Ernaux, identity, memory, the marginalized groups, Patrick Modiano

1. GIỚI THIỆU

Những năm gần đây, việc nghiên cứu về kí ức đang trở thành một trào lưu phát triển mạnh mẽ. Nhờ sự phát triển của khoa học kĩ thuật, việc lưu trữ dữ liệu trở nên dễ dàng và chính xác hơn. Từ đó, các lí

thuyết về kí ức của các ngành tâm lí học, thần kinh học và văn hóa học đã khám phá ra những vai trò mới của kí ức. Theo đó, kí ức không chỉ là sự lưu giữ và truy xuất thông tin của cá nhân mà còn là yếu tố quan trọng giúp định hình căn tính cá nhân và căn tính cộng đồng. Sự chọn lọc những gì được ghi nhớ

hoặc bị quên lãng cũng chính là cơ chế cho thấy sự kiến tạo bản sắc của chủ thể thông qua hành động. Vai trò của kí ức còn được nhấn mạnh trong các tuyên bố trao giải Nobel văn học cho Patrick Modiano và Annie Ernaux. Nếu Patrick Modiano được vinh danh vì “với nghệ thuật hồi tưởng, P. Modiano đã tái hiện những số phận bấp bênh nhất và khám phá thế giới – cuộc sống dưới sự chiếm đóng của ngoại bang... Nghệ thuật kí ức đã giúp mô tả thân phận con người và phơi bày cuộc sống trong thời Đức quốc xã chiếm đóng” (The Nobel Prize Outreach AB, 2014) thì Annie Ernaux lại được công nhận “vì lòng can đảm và sự nhạy bén bên trong mà bà đã khám phá ra cội rễ, sự ghê lạnh cùng những hạn chế của kí ức cá nhân” (The Nobel Prize Outreach AB, 2022). Modiano và Annie Ernaux nhận được nhiều sự quan tâm của các học giả trên thế giới. Nghiên cứu về kí ức trong tiểu thuyết Patrick Modiano có các công trình như *Rewriting the Past: Memory, History and Narration in the Novels of Patrick Modiano* của William VanderWolk (1997), *Memory and Writing in the Works of Patrick Modiano* của Charlotte Wandt (2014), *Fragmented Memory and Resonances of the Traumas of the Holocaust and War in the Novels of Patrick Modiano* của O. Amir (2019),... Các công trình trên chủ yếu tìm hiểu vai trò của kí ức trong mối tương quan với lịch sử, chấn thương và cách viết của tác giả, ... Còn nghiên cứu về kí ức trong tiểu thuyết của Annie Ernaux có các công trình như luận văn *Cinematography in the Works of Annie Ernaux: Writing Memory and Reality* của Dougherty và Jacqueline C. (2019), bài viết *Memory Stains: Annie Ernaux's Shame* của Nancy K. Miller (1999), công trình *Collective Memory and Autobiography: Annie Ernaux's Les Années* của V. Reid (2009). Hầu hết các công trình trên đều đi sâu phân tích khía cạnh tự truyện trong tiểu thuyết của Annie Ernaux trong mối quan hệ với kĩ thuật điện ảnh hay với chính hiện thực cuộc đời bà.

Bên cạnh các bài viết nghiên cứu riêng từng tác giả thì công trình *Paris and the Autobiography of a flâneur: Patrick Modiano and Annie Ernaux* của Marja Warahime (2000) đã so sánh cách mà Patrick Modiano và Annie Ernaux sử dụng không gian Paris để làm nền cho các tác phẩm, bài viết cũng cho thấy điểm tương đồng của hai tác giả trong cách quan sát và trải nghiệm đời sống đô thị như một “flâneur” – người lang thang, người dạo phố. Mặc dù có nhiều công trình nghiên cứu cho thấy điểm tương đồng trong cách chọn chủ đề và phong cách của Patrick Modiano và Annie Ernaux nhưng chưa có công trình nào đi giải mã trực tiếp ý nghĩa của chủ đề kí ức

trong hai tác phẩm *Những đại lộ vành đai* và *Một chỗ trong đời*. Cả hai tác phẩm này tương đồng ở chỗ cùng khám phá những không gian ngoại vi, nơi xuất thân và sinh sống của người kể chuyện, cũng là những câu chuyện tái hiện kí ức về người cha, như một cách tìm hiểu nguồn gốc và tạo dựng căn tính của chủ thể. Qua cách gắn liền kí ức với thời gian lịch sử và không gian cụ thể, hai tác phẩm cùng cho thấy kí ức như một tiếng nói phản kháng của nhóm người bị ngoại biên hóa và kí ức giúp định hình căn tính cá nhân.

Với các nội dung trên, bài viết này hướng đến mục đích làm rõ các điểm tương đồng trong cách triển khai chủ đề kí ức của hai tiểu thuyết, từ đó cho thấy vai trò của kí ức trong việc kiến tạo bản sắc cá nhân, bản sắc nhóm cũng như trong việc kiến tạo nên hiện thực từ góc nhìn của những người bị ngoại biên hóa trong lịch sử.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp tiếp cận thi pháp học: để tiếp cận chủ đề kí ức trong tác phẩm không thể tách rời những biểu hiện của thi pháp. Việc vận dụng phương pháp tiếp cận thi pháp học chỉ ra những biểu hiện của chủ đề kí ức thông qua các phương diện hình tượng nhân vật, không gian, thời gian, cốt truyện, ... từ đó cho thấy được tư tưởng và ý nghĩa của chủ đề đó.

Phương pháp nghiên cứu tiểu sử: Kí ức trong các tác phẩm của Patrick Modiano và Annie Ernaux có sự liên quan chặt chẽ với chính kí ức của họ. Việc tìm hiểu tiểu sử của các tác giả cũng góp phần soi rọi giá trị phản ánh của hai tác phẩm trên.

Phương pháp so sánh: phương pháp này được dùng để tìm ra những điểm tương đồng và dị biệt trong cách tiếp cận chủ đề kí ức của hai tác giả Patrick Modiano và Annie Ernaux.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Tiểu thuyết *Những đại lộ vành đai* của Patrick Modiano và *Một chỗ trong đời* của Annie Ernaux gặp gỡ nhau ở việc cùng hướng đến khám phá kí ức về người cha của nhân vật “tôi”. Trong quá trình đó, cả hai nhân vật phải vật lộn với những trần trụi cũng như mặc cảm xuất thân. Tuy cùng điểm xuất phát là những nhóm người bị ngoại biên hóa (người Do Thái, người thuộc tầng lớp nông dân) nhưng nếu nhân vật “tôi” trong *Những đại lộ vành đai* phải kiến tạo lại hiện thực quá khứ từ kí ức bị thất lạc thì “tôi” trong *Một chỗ trong đời* lại đối mặt với quá trình mất mát bản sắc do gia nhập vào nhóm người trung tâm. Việc đối mặt với kí ức cho thấy bản thân của họ ở

hiện tại, đó cũng đồng thời là quá trình định hình căn tính của các nhân vật đó.

3.1. **Kí ức trong *Những đại lộ vành đai* và *Một chỗ trong đời* – sự kháng chống của nhóm người bị ngoại biên hóa**

Nhóm người bị ngoại biên hóa (Marginalized Group) (Michel Foucault) hay nhóm người ngoài lề (Outsider Group) (Norbert Elias) là nhóm người bị đẩy ra khỏi vùng trung tâm hoặc bị gạt ra khỏi các quyền lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa. Vấn đề được đặt ra là cơ chế nào tạo ra nhóm người bị ngoại biên hóa? Trong công trình *Established and the Outsiders*, Norbert Elias cho rằng việc nhóm người ngoài lề (Outsiders) được tạo ra do sự mất cân bằng về quyền lực:

Điểm trung tâm của cấu trúc này (cấu trúc hình thành các nhóm xã hội) là sự mất cân bằng về quyền lực và những căng thẳng vốn có trong nó. Đây cũng là điều kiện quyết định để một nhóm được công nhận (Established group) kì thị hiệu quả một nhóm ngoài lề (Outsider group) (Elias, 1994, p. 20).

Kết quả của công trình nghiên cứu này còn bàn đến việc nhóm người ngoài lề bị định hình bản sắc bởi các giá trị và tiêu chuẩn của nhóm được công nhận. Đồng thời với việc bị kì thị, nhóm người ngoài lề đã thể hiện tinh thần kháng chống đối với quyền lực áp đặt lên họ. Thái độ kháng chống (resistance) để chỉ sự phản kháng lại những quy chuẩn áp đặt từ trong tư tưởng. Đó đơn giản như một sự xuất hiện tất yếu của các mặt đối lập trong cuộc sống. Như vậy, khi nhắc đến khái niệm nhóm người ngoại biên hóa, nhóm người ngoài lề, điểm cốt lõi chính là việc họ bị gạt ra khỏi trung tâm quyền lực và sự kháng chống tất yếu của họ đối với cơ chế quyền lực đang được thực thi. Điều này đã được M. Foucault bàn đến trong công trình *Lịch sử tính dục* năm 1978 và sau này, Mills (2021) đã phân tích quan điểm đó trên cơ sở kết hợp với các lí thuyết xã hội học mới. Theo bà thì:

Qua mô hình quyền lực này, Foucault đang cố nói rằng chúng ta không nên nhìn nhận cách mà các mối quan hệ quyền lực vận hành chỉ đơn giản là sự đàn áp của một thiết chế hay một chính quyền lên các cá nhân. Thay vào đó, ta nên nhìn nhận rằng sự kháng chống lại sự đàn áp là thứ gì đó diễn ra thường xuyên hơn chúng ta hình dung nhiều... (Mills, 2021, p. 82).

Chính vì vậy, việc các nhóm bị ngoại biên hóa thường xuyên chống lại các tiêu chuẩn áp đặt lên họ và luôn tìm cách xóa bỏ ranh giới phân biệt giữa các

nhóm người chính là biểu hiện của sự kháng cự tất yếu và liên tục.

Cả hai tác phẩm *Những đại lộ vành đai* của Patrick Modiano và *Một chỗ trong đời* của Annie Ernaux đều phản ánh lại những ấn ức và thiết thòi của nhóm người bị ngoại biên hóa trong xã hội Pháp thế kỉ XX, đặc biệt là trong giai đoạn Pháp bị Đức chiếm đóng (1940 – 1944). Nếu *Những đại lộ vành đai* thể hiện nỗ lực chống lại thái độ ngoại biên hóa đối với nhóm người Do Thái thì *Một chỗ trong đời* lại là tiếng nói kháng cự của nhóm người có xuất thân thấp (người nghèo và tầng lớp nông dân, công nhân).

3.1.1. **Kí ức về những không gian ngoại biên**

Nhan đề của hai tiểu thuyết *Những đại lộ vành đai* của Patrick Modiano và *Một chỗ trong đời* của Annie Ernaux đều có chỉ dấu không gian. Các không gian đó đều là những không gian ngoại biên xét trong mối quan hệ với không gian đô thị trung tâm.

Những đại lộ vành đai (*Les Boulevards de ceinture*) được hiểu là những đại lộ vành đai bao quanh đô thị nhằm gắn kết các khu ngoại ô với trung tâm thành phố. Đại lộ vành đai đóng vai trò như một ranh giới mang tính kết nối. Tuy nhiên, gần như toàn bộ tác phẩm này xoay quanh câu chuyện về những con người trong lũy quán Le Clos-Fourcé, nằm ở vùng Seine-et-Marne, ngoại ô phía Đông của Paris. Khu vực này vào thời kì Pháp bị chiếm đóng nằm dưới quyền cai trị của Đức quốc xã và luôn có những con người biến mất đột ngột “do diễn biến đáng lo ngại của các sự kiện gần đây” (Modiano, 2020, p.13). Nhan đề “*Những đại lộ vành đai*” gợi cảm giác về sự chênh vênh bởi những nhân vật ở đây không cư ngụ chính xác ở một nơi nào cả. Họ sống ở Paris và đến lũy quán Le Clos-Fourcé vào cuối tuần. Cuộc đời bí ẩn của họ giống như những đường biên đại lộ, bao quanh Paris nhưng không thuộc về Paris. Đó là những con người sống bên lề “Murraille, Marcheret, Maud Gallas, Sylviane Quimphe... Tôi đưa phả hệ của họ ra đây mà không lấy gì làm vui vẻ... Tôi quan tâm đến những kẻ bị tước mất vị trí xã hội, những kẻ sống ngoài lề ấy, để qua họ, tìm lại hình ảnh khó nắm bắt của bố tôi” (Modiano, 2020, p.40). Không gian ngoại biên - vùng Seine-et-Marne - ở đây thực chất là không gian dung chứa những con người có lai lịch mơ hồ, những người về ngoài thượng lưu với danh xưng bá tước, nam tước nhưng lại là đối tượng bị chính quyền chiếm đóng truy bắt. Ranh giới mơ hồ đó tạo nên cảm giác hư ảo và chông chênh về sự phi lí của thân phận con người.

Một chỗ trong đời (La Place) trong tiếng Pháp nghĩa là vị trí, chỗ đứng. Đây là từ ngữ chỉ không gian tuy nhiên khi đứng một mình từ này lại không đơn thuần là từ chỉ nơi chốn, địa điểm. Nhan đề này mang tính đa nghĩa khi vừa đề chỉ một vị trí đồng thời còn chỉ một chỗ đứng, vai trò trong xã hội. Tác phẩm là câu chuyện tự thuật của chính tác giả Annie Ernaux. Trong câu chuyện này, Annie Ernaux tái hiện lại cả cuộc đời, số phận của cha mình, một người vốn xuất thân từ tầng lớp nông dân và luôn tìm cách thoát khỏi tầng lớp đó. Cả câu chuyện xoay quanh không gian ở Y..., tỉnh Seine-Maritime nằm ở khu vực Normandie ở miền Bắc nước Pháp. Người cha của nhân vật “tôi” vốn xuất thân từ tầng lớp “không có ruộng thì làm thuê làm mướn cho các chủ trang trại lớn trong vùng” (Ernaux, 2015, p. 12). Xuất thân từ vùng nông thôn, hiểu được sự ô nhục của tầng lớp dưới nên ông luôn phấn đấu từng ngày để vươn lên tầng lớp cao hơn. Tuy nhiên, sự cố gắng của ông chỉ có thể dừng lại ở việc chuyển đến không gian kề cận đô thị, “L..., cách Le Harve ba mươi cây số” (Ernaux, 2015, p. 20) và sự thay đổi vị thế xã hội cũng bằng một cách rất chông chênh, làm chủ một cửa hàng tạp phẩm không kiếm được bao nhiêu. Ông phải đi làm công nhân ở nhà máy lọc dầu để duy trì cửa hàng tạp phẩm “Cha tôi không bao giờ uống rượu. Ông tìm cách giữ vị trí của mình. Có vẻ là người buôn bán hơn là công nhân” (Ernaux, 2015, p. 23). Trải qua biến cố lịch sử (thời kì Pháp bị chiếm đóng) lẫn biến cố gia đình (con gái đầu lòng mất), ông quyết định quay lại Y.... Và mặc dù mọi thứ có lẽ đã khác, “họ tìm ra một quán cà phê – tạp phẩm – củi than trong một khu phố ngoài trung tâm, nằm giữa nhà ga và đường đường... Đời công nhân của cha tôi kết thúc tại đây” (Ernaux, 2015, p. 26) nhưng khoảng cách giữa ông và con gái (nhân vật “tôi”) từ đó cũng ngày càng xa. Câu chuyện cho thấy vị trí xã hội của một người không được xác định đơn giản bằng xuất thân hay tài sản, mà quan trọng hơn, nó được xác định bằng chính suy nghĩ, quan điểm của họ về bản thân.

Các không gian ngoại biên trong hai tác phẩm trên không chỉ đóng vai trò là nơi cư ngụ của những người ngoài lề mà còn mang ý nghĩa xác định một không gian văn hóa, ở đó, con người ý thức rõ hơn về vai trò, vị trí của mình trong xã hội. Và hơn hết, càng ý thức về việc bản sắc nhóm mình bị áp đặt bao nhiêu, họ càng chủ động dùng chính cái bị gán ghép đó phản kháng lại cơ chế hiện hành bấy nhiêu.

3.1.2. *Kí ức – phương tiện kiến tạo hiện thực và kháng chống quyền lực*

Mills (2021, p. 75) đã diễn giải lại quan điểm của Foucault (1978) về quyền lực như sau:

Thứ nhất, đó là quyền lực được khái niệm hóa/quan niệm như một chuỗi kết nối hoặc như một mạng lưới, tức là một hệ thống của các mối liên hệ trùm phủ xuyên suốt và dàn khắp xã hội, chứ không đơn giản chỉ là một tập hợp các liên hệ giữa bên thống trị và bên bị trị. Thứ hai, các cá nhân được nhìn nhận không phải như những người tiếp nhận quyền lực, mà như “tụ điểm/vị thế” mà tại đó quyền lực được diễn lộ và cũng là nơi nó bị kháng lại.

Bên cạnh đó, Mills (2021, p.96) còn phân tích mối quan hệ giữa kí ức với quyền lực như sau: “Mặc dù tìm kiếm các mối quan hệ nhân quả giản đơn có thể khiến việc nghĩ và viết về quá khứ dễ dàng hơn, nhưng Foucault cho rằng ta nên cố phân tích tính phức tạp và bản chất hỗn trộn dễ gây lẫn lộn của các sự kiện quá khứ.... Tập trung vào các yếu tố ngẫu biến bất ngờ giúp chúng ta khảo xét cách mà quyền lực vận hành hiệu quả hơn”. Việc nhìn nhận mỗi cá nhân như một tụ điểm, nơi mà quyền lực được diễn lộ hoặc bị kháng lại cũng đồng thời mở ra những khả năng khám phá xã hội rộng lớn hơn. Kí ức của mỗi cá nhân không chỉ đóng vai trò là nơi ghi nhớ các sự kiện, cảm xúc mà còn là cách để diễn giải về cơ chế diễn lộ của quyền lực. Chính bằng sự gắn kết các hình ảnh hỗn độn được lưu trữ trong kí ức, chúng ta có thể xác định được ở tụ điểm (cá nhân) đó, các mối quan hệ quyền lực nào đang được thực thi cũng như sự kháng chống quyền lực diễn ra như thế nào.

Trong tiểu thuyết *Những đại lộ vành đai*, nhân vật “tôi” cùng Nam tước Deyckecaire (bố của “tôi”) là những “tụ điểm” kháng chống quyền lực nổi bật nhất. Nam tước Deyckecaire – bố của nhân vật “tôi”, gốc Do Thái, con người từng chỉ là một bóng ma với hộ chiếu tị nạn Nansen - không được xã hội công nhận, phải mượn cái danh Nam tước để gia nhập vào xã hội. Nhưng sống trong thời buổi mà người Do Thái bị đẩy ra ngoài lề, bị tước đoạt quyền công dân, bị truy đuổi gay gắt thì cái danh ảo đó cũng không giúp được gì cho ông. “Marcheret vừa tuyên bố vừa vỗ vỗ vào gáy bố tôi như thể vuốt ve cổ chó. Điều buồn nhất, là bố tôi là người có lỗi” (Modiano, 2020, p. 86). Thậm chí, người Do Thái còn bị xem như đồ vật trong trò chơi quần vợt Do Thái:

Người đầu tiên phát hiện ra một tên Do Thái phải lên tiếng thông báo. Mười lăm điểm cho anh ta. Nếu đến phiên của mình, người kia cũng thấy được một tên Do Thái, số điểm sẽ là mười lăm đều. Cứ thế tiếp

tục. Người thắng là người tìm được nhiều người Do Thái nhất. Người ta tính điểm, như trong môn quần vợt. Không có gì tốt hơn cách đó, theo Gerbere, để giáo dục phân xạ cho dân Pháp... (Modiano, 2020, p.84).

Sự cam chịu của người bố cho thấy quá trình diễn lộ của quan hệ quyền lực đương thời. Những quan niệm phân biệt về nguồn gốc, dân tộc trong thời kì chiến tranh Thế giới thứ hai không đơn thuần chỉ là quan hệ giữa phát xít, người thống trị với nạn nhân, người bị trị, đó còn là mạng lưới những luật lệ, quan niệm được công nhận và cấp quyền. Giai đoạn Pháp bị chiếm đóng (1940-1944), nước Pháp chia hai miền Nam Bắc, phía Bắc (bao gồm cả Paris) nằm trong tầm kiểm soát trực tiếp của Đức, vùng phía Nam vẫn thuộc về chính phủ Pháp nhưng dưới sự giám sát của Đức, được gọi là chính quyền Vichy. Chính quyền Vichy đã hợp tác với Đức trong việc tẩy chay và bắt giữ người Do Thái bằng việc ban hành hàng loạt các đạo luật chống Do Thái như hạn chế quyền công dân, truy quét, bắt giam họ vào các khu tập trung, ... Trước những cuộc tàn sát đó, bản thân người Do Thái cũng tự thu mình lại. Họ luôn sống trong sợ hãi, lo âu và thậm chí tìm mọi cách chối bỏ nguồn gốc của mình. Cái cách mà người Do Thái trong tác phẩm của Patrick Modiano tìm cách thoát khỏi sự truy lùng của chính quyền cũng chính là thái độ kháng cự lại quyền lực. Với nhân vật người bố, sự kháng chống thể hiện qua hành động dùng tên họ giả, gia nhập vào nhóm những người làm ăn phi pháp, mờ ám và tìm cách vượt biên sang Bỉ, thậm chí, ông còn lợi dụng cả tên họ và tấm bằng của con mình như một thứ khiên chắn để thoát khỏi sự kiểm soát của cảnh sát.

Tuy nhiên, tất cả những sự việc liên quan đến người bố đó thực chất chỉ là câu chuyện trong tưởng tượng của người con “Tôi đã đi ngược dòng thời gian để tìm lại và theo dấu bố. Chúng ta đang ở năm nào? Thời kì nào? Trong cuộc đời nào? Điều thần kì nào đã giúp tôi biết được bố khi bố chưa là bố của tôi” (Modiano, 2020, p. 68). Nhân vật “tôi” đã kể lại câu chuyện trong quá khứ (trước khi anh ta ra đời) bằng việc gom nhặt các mảnh kí ức tập thể như: lời kể của các chứng nhân (Greve, người pha chế của lữ quán Le-Clous-Fourcé; dân làng sống quanh biệt thự Mektoub); thông tin trên báo “Tờ tạp chí,..., vừa mới được in, vì nó mang số 57... Ngay ở trang đầu tiên, tên của chủ nhiệm: Jean Murraile... Ở trang hai là mục Những tin đồn khiếm nhã... Hai trang cuối dành cho chuyên mục Có gì mới” (Modiano, 2020, p. 15-17); những hình ảnh cũ còn lưu lại “Câu nói được minh họa bằng một tấm hình, trong đó người ta nhận ra Murraile, Marcheret, người phụ nữ tóc

hung luôn mặc trang phục cưỡi ngựa, sau hết là bố tôi, được nêu danh là Nam tước Deyckecaire... Hai tấm hình khác cho thấy toàn cảnh dạ hội” (Modiano, 2020, p.17)... Và trong chính câu chuyện tưởng tượng của mình, nhân vật “tôi” đã gia nhập vào nhóm người mờ ám đó, cùng trải nghiệm cảm giác sa đọa trong những ngày đen tối “viết truyện khiêu dâm, làm đi đợc, làm bạn tâm tình của một kẻ nghiện rượu và một chuyên gia tổng tiền” (Modiano, 2020, p.70), thậm chí anh ta còn giết cả Lestandi, người hưởng ứng trò quần vợt Do Thái của Gerbere, “tôi siết chặt cổ hắn và những ngón tay cái của tôi đau nhói. Tôi nghĩ đến bố để lấy can đảm. Hắn đã hết giấy giũa” (Modiano, 2020, p.88). Chính cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật tôi đã dựng lại cả một thời kì quá khứ đáng quên của xã hội Pháp, thời kì mà chính quyền Vichy đã tiếp tay cho Đức đàn áp, bắt bớ người gốc Do Thái, tạo ra không biết bao nhiêu sự mất tích bí ẩn, không còn lưu lại chút dấu vết gì. Lịch sử đó đã từng bị chôn vùi do sự phủ nhận trách nhiệm của chính quyền Pháp trong công cuộc diệt chủng người Do Thái (che giấu tài liệu, hủy bỏ chứng cứ, không công bố các báo cáo về việc bắt giữ người Do Thái của chính quyền Vichy, ...). Patrick Modiano đã nhìn nhận lại quá khứ bằng chính kí ức tập thể và ông đã kiến tạo nên một hiện thực khác so với hiện thực được tái hiện trong các diễn ngôn được trao quyền như văn bản pháp quy, văn bản lịch sử,... Rõ ràng, nước Pháp phải chịu trách nhiệm trong việc hợp tác của chính quyền Vichy (cũng như nhiều người Pháp) với phát xít Đức. Thái độ can đảm của người viết đã cho thấy rõ sự thay đổi của cơ chế quyền lực, quá khứ được nhìn nhận từ góc nhìn của những người ngoài lề đã hiện lên với một hiện thực khác, không còn lung linh, huy hoàng như những gì mà các diễn ngôn được cấp quyền trước đó ghi nhận.

Trong *Một chỗ trong đời*, kí ức kháng cự của nhóm người ngoài lề được thể hiện qua thái độ, hành động của người cha và nhân vật “tôi”. Với lối viết phẳng (écriture plate), Annie Ernaux chủ yếu tái hiện lại các chi tiết chân thực, khách quan về cuộc đời của cha mình. Các chi tiết ấy tạo nên một cuốn sách biên niên về sự phấn đấu thoát khỏi ám ảnh xuất thân của ông.

Cha của nhân vật “tôi” xuất thân từ tầng lớp thấp trong xã hội “Những người không có ruộng thì làm thuê, làm mướn cho các chủ trang trại trong vùng. Ông nội tôi vì thế mà đánh xe ba gác cho một trang trại” (Ernaux, 2015, p. 12). Mười hai tuổi, “ông nội kéo cha ra khỏi ghế nhà trường để đưa cha đến trang trại làm việc cùng” (Ernaux, 2015, p. 15). Chiến tranh thế giới thứ nhất nổ ra, “nhờ quân ngũ, cha tôi gia nhập thế giới... bộ quân phục làm cho mọi người

binh đẳng... Giải ngũ, ông không muốn trở lại với nghề trồng trọt. Ông luôn gọi việc đồng áng như vậy, với ông, nghĩa khác của từ này, về khía cạnh tinh thần, là vô ích” (Ernaux, 2015, p. 17). Từ “culture” trong tiếng Pháp vừa mang nghĩa là trồng trọt vừa có nghĩa là văn hóa. Việc sử dụng từ culture chỉ với nghĩa trồng trọt và không quan tâm đến nét nghĩa tinh thần của từ này cho thấy đối với người lao động, những giá trị văn hóa trừu tượng không có ý nghĩa gì. Bên cạnh đó, việc dứt khoát không muốn trở lại với công việc đồng áng của ông còn thể hiện mong muốn thoát khỏi sự phân biệt giai cấp – thoát khỏi những tiêu chuẩn bản sắc nhóm bị gán ghép. Việc ông trở thành công nhân chính là một bước tiến quan trọng trong cuộc đời, và bằng chính sự cần mẫn không mệt mỏi “không lười biếng, không rượu chè, gái gú. Đi xem phim và nhảy điệu Charleston, nhưng không lai vãng quán rượu” (Ernaux, 2015, p.18) ông đã tự tậu cho mình một chiếc xe đạp, mỗi tuần đều dành dụm được một ít tiền. Sau đó, lấy vợ, sinh con, ông mở một cửa hàng tạp phẩm và dùng chính sức lao động của mình (đi làm công nhân) để duy trì cửa hàng đó. Cửa hàng cà phê - tạp phẩm giống như một phương tiện để ông rời khỏi thế giới của người nghèo. Mặc dù ông đã là ông chủ, ông vẫn nghèo “đằng sau sự hạnh phúc là sự rúm ró của cảnh sung túc đã phải gắng hết sức để giành được. Tôi không có ba đầu sáu tay. Thậm chí không có lấy một phút để đi vệ sinh. Cúm ảy hã, tôi cũng vừa cúm vừa làm” (Ernaux, 2015, p.29). Tuy nhiên, ông chỉ rời khỏi thế giới đó bằng phương tiện vật chất, còn tinh thần thì mãi mãi không thể. Giống như thổ ngữ Normandie, tư tưởng của nhóm người ngoài lề đã thấm sâu vào quan điểm của ông, ông luôn trong tâm trạng sợ hãi, “nỗi sợ nhầm vị trí, bị xấu hổ” (Ernaux, 2015, p.30), việc đi nhầm sang toa tàu hạng sang hay viết sai chính tả, thái độ trịnh trọng, cứng nhắc rụt rè trước những người quan trọng là biểu hiện của việc tự ý thức về địa vị, thân phận của mình trong xã hội. Và cũng từ việc tự ý thức về vị trí xã hội của mình, ông càng trở nên xa cách với con gái của mình hơn, sự xa cách ấy không chỉ do khoảng cách về kiến thức, giai cấp mà có lẽ do chính sự kháng chống trong tư tưởng của ông. Đó vừa là sự tủi nhục muốn xóa bỏ dấu ấn xuất thân của nhóm người ngoài lề vừa không thể tự vứt bỏ bản sắc của mình (vẫn sử dụng thổ ngữ Normandie, duy trì những thói quen của người lao động như chăm sóc vườn tược, cạo râu ở bồn rửa trong bếp, uống cà phê bằng thìa như húp xúp,...) (Bamberg, 2009). Qua việc miêu tả cuộc đời của chính cha mình, Annie Ernaux dường như đã cho thấy một thực tại khác hoàn toàn với các thực tại đã được vẽ ra trước đó. Cũng cùng nói về một thời kì nhưng “khi đọc sách của Proust hay

Mauriac, tôi không tin là họ đang kể về cái thời cha tôi còn bé. Thời của cha tôi là thời trung cổ” (Ernaux, 2015, p.14). Độ lệch giữa các diễn ngôn được tạo nên từ điểm nhìn và quan trọng hơn nữa là từ điểm nhìn giai cấp cũng như tư tưởng, ý thức hệ. Việc di cư vào tầng lớp tiểu tư sản đã tạo nên cái nhìn đa chiều ở nhân vật “tôi”. Và khi nhìn lại quá khứ (với cương vị là người ở giai cấp tư sản), nhân vật “tôi” cảm thấy “khi viết, thật khó để vừa khôi phục danh dự cho một lối sống bị coi là thấp kém lại vừa tố cáo sự tha hóa đi kèm lối sống ấy” (Ernaux, 2015, p.28). Điều này đồng nghĩa với trạng thái mâu thuẫn khi vừa bênh vực những đặc điểm bản sắc bị gán ghép thấp kém vừa chê trách nó. Những suy nghĩ và quan điểm đó chính là sự kháng chống đối với quyền lực diễn ngôn.

Mỗi cá nhân là tụ điểm diễn lộ hoặc kháng chống quyền lực và chúng ta chỉ có thể đọc thấy sự diễn lộ hay kháng chống qua thái độ và hành động của họ. Đồng thời với quá trình đó, hành động của cá nhân còn đóng vai trò quan trọng trong việc kiến tạo căn tính, bản sắc của cá thể.

3.2. Kí ức – phương tiện kiến tạo căn tính

Theo Michael Bamberg (2009, p.132) thì:

Căn tính thể hiện sự nỗ lực phân biệt và tích hợp cảm nhận về bản thể theo các chiều kích xã hội và cá nhân khác nhau như: giới tính, tuổi tác, chủng tộc, nghề nghiệp, tình trạng kinh tế xã hội, sắc tộc, giai cấp, quốc gia hoặc khu vực lãnh thổ,...

Khái niệm căn tính đã bao hàm cả bản sắc, trong đó, căn tính là những điểm riêng, đặc biệt, độc đáo của chủ thể (nỗ lực phân biệt theo các chiều kích xã hội và cá nhân) và những cảm nhận về chính chủ thể đó. Như vậy, căn tính chỉ có thể được tạo lập trong toàn bộ quá trình hiện sinh của chủ thể chứ không đơn giản được cố định như những tính chất bất biến về chủng tộc hay nguồn gốc.

3.2.1. Những đại lộ vành đai - quá trình kiến tạo căn tính từ kí ức mơ hồ, thất lạc

Tiểu thuyết *Những đại lộ vành đai* là câu chuyện về hành trình đi tìm bố của nhân vật “tôi” nhưng thực chất đó là câu chuyện xảy ra trong trí tưởng tượng kết hợp cùng với các mảng kí ức rời rạc, lộn xộn và mơ hồ của nhân vật. Nếu căn tính vốn được xác định dựa trên các yếu tố như giới tính, tuổi tác, chủng tộc, nghề nghiệp, ... thì các yếu tố đó ở nhân vật “tôi” đều bị lược mất hoặc mơ hồ hóa. Về tên họ, “tôi” không có một cái tên thực sự đáng tin: “Serge Alexandrie – Tôi đã dùng cái tên này để đăng kí ở lữ quán” (Modiano, 2020, p.21). “Dùng cái tên này” như hàm ẩn ý nghĩa tôi còn một cái tên khác, cái tên

này chỉ là một danh xưng kiểu mặt nạ để “tôi” gia nhập vào nhóm người bí ẩn, là một danh xưng để “tôi” thuận lợi trong quá trình tìm kiếm bộ mình. Nếu tên là dấu hiệu chỉ báo cá nhân thì họ của một người lại giúp chúng ta truy nguyên nguồn gốc của người đó. Nhân vật tôi có họ “Alexandrie”, cùng họ với bố mình. “Ít ra thì ông mang cùng họ với tôi. Với hai cái tên: Chalva, Henri. Ông sinh ra ở Alexandrie, vào thời – tôi nghĩ thế – thành phố này vẫn còn ngời sáng một cách đặc biệt” (Modiano, 2020, p. 42). Song cái họ đó - dấu hiệu chỉ báo nguồn gốc lại là tên một thành phố ở Ai Cập, nơi người bố sinh ra. Và nếu họ đó có thật thì chính người bố cũng đã tự phủ nhận nguồn gốc của mình khi giới thiệu bản thân bằng cái tên kèm danh vị “Nam tước Chalva Henri Deyckecaire”. Về nguồn gốc dân tộc, việc người bố của “tôi” có phải người Do Thái hay không cũng chỉ là thông tin phỏng đoán qua nhận định của các nhân vật khác. Gerbere cho rằng mình có thể nhận ra người Do Thái ngay cả khi “không cần thấy mặt... Tôi có thể nhận ra chúng từ sau lưng” (Modiano, 2020, p. 84), còn Lestandi thì khẳng định người bố của “tôi” là người Do Thái vì ông ta “có gương mặt của tội phạm” (Modiano, 2020, p. 90). Giấy tờ định danh của người bố chỉ là một quyển hộ chiếu Nansen (loại giấy tờ tùy thân của những người tị nạn không quốc tịch). Vậy “tôi” có phải người Do Thái không là một câu hỏi không thể trả lời, chỉ có thể phỏng đoán.

Các yếu tố khác để xác định căn tính của chủ thể như nghề nghiệp, tuổi tác, tầng lớp xã hội, ... cũng rất mơ hồ. Về nghề nghiệp thì nghề “viết tiểu thuyết” cũng chỉ là nghề nhân vật “tôi” tự tưởng tượng ra, giống cái tên mà anh ta xưng với Muraille. Tuổi tác cũng không giúp ích được gì trong việc khám phá căn tính hay bản sắc của người kể chuyện. Người đọc chỉ có thể đoán tuổi của nhân vật qua các mốc thời gian được lặp đi lặp lại trong tác phẩm. Nhân vật “tôi” gặp bố mình năm 17 tuổi (giai đoạn này gắn liền với sự kiện bị bỏ đẩy xuống gầm tàu điện ngầm George-V), 10 năm sau anh ta dần thân vào cuộc tìm kiếm và bảo vệ bố mình. Như vậy, anh ta 27 tuổi. Kết thúc truyện, khi Greve, người phục vụ quán Le Clous-Fourcé, người “làm công việc này đã từ ba mươi năm nay” nói với nhân vật “tôi” rằng “tôi còn trẻ như vậy, làm sao tôi có thể đàm luận với ông ta về những người ấy (Muraille, Marcheret, Deyckecaire, ...)” (Modiano, 2020, p. 95) thì việc xác định tuổi chính xác của “tôi” trở nên bất khả thi. Cách kết thúc của câu chuyện như khẳng định mọi sự kiện xảy ra trong hiện thực (lúc nhân vật “tôi” 27 tuổi) nhưng thực chất đó là câu chuyện của 30 năm trước, lúc mà tôi chưa ra đời.

Việc đảo lộn trật tự thời gian, xóa nhòa các thời điểm sự kiện đã tạo nên cảm nhận về sự phân mảnh của kí ức. Mở đầu tác phẩm có đưa ra chỉ dấu thời gian “Trên tường, sau quầy bar, dễ dàng nhận thấy một tập lịch kiểu xé từng ngày. Trông rõ mồn một con số 14. Không thể đọc được ngày tháng năm” (Modiano, 2020, p. 6). Có vẻ như người viết cố lần theo dấu vết của quá khứ nhưng càng lần theo thì sự không đáng tin của kí ức càng nhấn chìm người tìm kiếm vào sự mơ hồ mênh mông. Cụm từ “Chủ nhật ngày 17 tháng 6 ấy” (ngày “tôi” bị bỏ đẩy xuống đường tàu điện ngầm) được nhắc lại hai lần như tạo độ xác tín cho sự kiện nhưng khi mốc thời gian đó không gắn với năm thì tính chân thực của sự kiện cũng không còn. Các mốc thời gian trong quá khứ thường trở nên sâu sắc vì nó gắn với sự kiện quan trọng đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời nhân vật. Tuy nhiên, nếu không được ghi chép lại chính xác (như ghi chép trong nhật kí, tư liệu lịch sử) thì các mốc thời gian cũng bị trôi dạt trong sự hỗn loạn của kí ức. Patrick Modiano được xem là bậc thầy kí ức vì ông thường tái hiện lại kí ức thất lạc của chính bản thân mình theo một cách đậm chất nghệ thuật. Đó là việc xóa hết các đường ranh giới thời gian, làm nhòa hóa tính chính xác của các sự kiện và tạo nên một thế giới kí ức vừa mơ hồ vừa ám ảnh.

Tôi thường ở xa bố mẹ, ở nhà những người bạn mà bố mẹ gửi trông hộ tôi và tôi thì chẳng biết chút gì về họ, ở những nơi và những ngôi nhà nối tiếp... Rất lâu về sau tôi mới thấy tuổi thơ của tôi thật bí ẩn và tôi mới cố tìm biết thêm về những người khác nhau mà bố mẹ tôi đã gửi tôi và những nơi chốn khác nhau cứ thay đổi liên tục. Nhưng tôi đã không xác định được phần lớn những người đó và cũng không định vị được chính xác tất cả những nơi chốn và những ngôi nhà quá khứ (Modiano, 2018).

Đó là phần tự thuật về cuộc đời của chính mình trong Diễn từ nhận giải Nobel của Patrick Modiano. Ở mỗi tác phẩm, Patrick Modiano đưa một mảnh đoạn cuộc đời mình vào xây dựng hình tượng nhân vật. “Tôi” trong *Những đại lộ vành đai* cũng mang quá khứ bí ẩn như chính tác giả.

“Tôi gặp ông lần đầu năm mười bảy tuổi... Sục sạo trong những kỉ niệm xa xưa hơn, tôi còn tìm thấy gì nữa? Một người đàn bà tóc xám, người mà ông đã tin cần phó thác tôi... Và sau đó là trường trung học nội trú, ở Bordeaux...” (Modiano P., 2020, p. 40).

Hàng loạt các địa danh, không gian được đặt cạnh nhau vẽ nên một Paris đầy bí ẩn:

Những địa danh khác hiện ra trong kí ức tôi, từng đợt như sóng dâng. Những địa chỉ khác nhau của

chúng tôi: số 65 đại lộ Kellermann, nhìn ra nghĩa trang Gentilly; căn hộ phố Regard... tòa nhà kiểu tư sản ở đại lộ Felix-Faure... căn hộ ba phòng tá tôi, bờ kè Grenelle (Modiano, 2020, p. 48).

Và những trường đoạn “tôi” cùng bố mình sục sạo khắp các ngõ hẻm ở Paris chính là những mảnh ghép làm nên bức tranh về căn tính của nhân vật “tôi”.

Nhân vật “tôi” tuy không rõ về nguồn gốc, quá khứ của mình nhưng đó cũng chính là bản sắc cá nhân của nhân vật. Đó là con người luôn mang cảm giác về thân phận lạc loài, luôn cảm thấy cô đơn, trống vắng và luôn dần dần tìm kiếm ý nghĩa về sự tồn tại của mình trong những bóng mờ kí ức.

3.2.2. Một chỗ trong đời – sự mất mát bản sắc và quá trình hình thành căn tính từ kí ức khủng hoảng

Tiểu thuyết của Annie Ernaux thường được gọi là tự truyện vì bà đưa nhiều sự kiện và biến cố của chính cuộc đời mình vào tác phẩm, làm nhòe ranh giới giữa hiện thực và hư cấu. Chính vì vậy, hầu hết các tác phẩm của Annie Ernaux đều sử dụng motif tái hiện kí ức. Kí ức chính là phương tiện kết nối quá khứ với hiện tại và cũng là phương tiện giúp định hình nên căn tính của nhân vật. Trong quá trình nhìn nhận lại quá khứ, nhân vật phần nào nhận thấy sự thay đổi và chuyển dịch của bản sắc cũng như sự thất lạc, mất mát bản sắc theo dòng chảy thời gian. Các kí ức trong truyện của Annie Ernaux giống những thông tin biên niên được ghi lại một cách chính xác, đầy đủ và trọn vẹn. Tuy nhiên, nếu việc ghi biên niên không mang cảm xúc gì thì việc gắn kết các kí ức đó lại bị chi phối bởi cảm giác của con người hiện tại. Các sự kiện quá khứ thường được in dấu bởi những ấn tượng mạnh mẽ cho nên việc chiêm nghiệm lại các sự kiện đó chính là việc nhìn nhận lại những khủng hoảng của bản thân để tự chữa lành “bây giờ tôi viết có lẽ vì lúc đó chúng tôi không còn gì để nói với nhau nữa” (Ernaux, 2015, p. 43).

Trong *Một chỗ trong đời*, bằng việc nhìn nhận lại cả cuộc đời của người cha, xem xét lại từng hành động, thái độ cũng như mối quan hệ của ông với gia đình và người xung quanh, nhân vật “tôi” phần nào nhận thức được sự mất mát bản sắc của mình và nguyên nhân xa cách giữa mình và ông. Khoảng cách giữa hai cha con bắt đầu hình thành khi “tôi” trở nên say mê với việc học, chăm chú vào sách vở, những thứ mà người cha không được tiếp xúc hoặc nếu có thì cũng vô cùng ít ỏi. “Ông chẳng bao giờ biết tôi học lớp mấy, ông thường nói “Nó ở chỗ cô đó” ... Ông từ chối đi đến các buổi liên hoan ở

trường, thậm chí không đi xem tôi diễn kịch. Mẹ tôi phần nộ “ông chẳng có lí do gì mà không đi”. Ông, “nhưng bà biết rõ là tôi không đi đến những chỗ đó” (Ernaux, 2015, p. 38). Ông không đến trường học của con vì trong tâm thức của ông, đó không phải vị trí mà ông có thể đứng vào. Ông luôn cẩn thận để mình không đi lầm hay lạc vào những chỗ mình không xứng đáng nhưng lại khao khát con mình gia nhập vào thế giới tư sản, thậm chí niềm khao khát ấy còn dần thay thế cả khao khát có được quán cà phê ở trung tâm của ông. Tuy nhiên, nếu ông chỉ cố gắng đẩy con mình vào thế giới tư sản thì ông lại vĩnh viễn ở lại trong thế giới của những người nghèo, thế giới mà văn hóa ở đó bị gắn mác là tầm thường, quê mùa, “vớ vẩn”. Phép lịch sự giữa cha mẹ và con cái, khi ăn không phát ra tiếng động, hay xì mũi một cách kín đáo, chọn lựa kiểu trang trí nhà theo ý thích riêng của mình... là những thứ vô cùng xa lạ với thế giới người nghèo nhưng lại là lễ nghi và nguyên tắc sơ đẳng của giới trí thức. “Tôi” càng học, càng nhận thức nhiều bao nhiêu thì sự lệch pha với cha mẹ mình càng xa bấy nhiêu.

Tôi học bài, nghe đĩa nhạc, đọc sách và luôn ở trong phòng. Tôi chỉ xuống nhà để ngồi vào bàn ăn. Chúng tôi ăn mà không nói chuyện... tôi đã lên di cư vào thế giới tiểu tư sản... Ngay cả những ý niệm về môi trường sống của tôi đối với tôi dường như cũng thật nực cười... (Ernaux, 2015, p. 40).

Và sự chênh lệch đó dẫn đến những “cuộc tranh cãi nổ ra bên bàn ăn vì những chuyện không đâu” (Ernaux, 2015, p.42). Nhân vật “tôi” trưởng thành từ trong chính sự xung đột giữa các bản sắc khác nhau ấy, giữa một bên là bản sắc của người ở tầng lớp thấp, thường cảm thấy xa lạ và xấu hổ vì những thói quen của mình và gia đình với một bên là bản sắc của một trí thức được giáo dục trọn vẹn, đầy đủ. Không phải không có lí do mà “tôi” lại nhớ đến những việc khá nhỏ nhặt như khi bạn mình đến nhà chơi hay bạn trai mình ra mắt bố mẹ vợ tương lai. Những lúc như thế, “tôi” không tránh khỏi việc so sánh. Một bên là cách những người thuộc tầng lớp trên đón khách:

Khi gia đình của bạn bè tôi mời tới chơi thì tôi chấp nhận theo lối sinh hoạt hằng ngày của họ một cách tự nhiên và sự xuất hiện của tôi không hề làm thay đổi nếp sống ấy... Trong thế giới của họ, những dịp thế này chỉ là một chuyến viếng thăm bình thường, nhưng cha tôi lại coi là một dịp lễ hội nên muốn thắt đai linh đình bạn bè tôi và tự thể hiện mình là người biết sống... (Ernaux, 2015, p. 47).

Một bên là gia đình tôi:

Nghi thức trang trọng để tiếp đón một thành viên mới trong gia đình, vốn đã bị xóa bỏ trong những môi trường hiện đại, dư dả, nơi bạn bè ra vào tùy ý. Để tiếp đón chàng thanh niên này, cha tôi tất cả vật, thay bộ đồ màu xanh bằng bộ quần áo mặc vào ngày Chủ nhật... (Ernaux, 2015, p. 48).

Căn tính lại không đơn giản là thứ gì đó sẵn có, được quyết định từ khi cá thể mới ra đời như dân tộc hay giới tính, tầng lớp xã hội, ... Căn tính là quá trình kiến tạo và là sản phẩm thay đổi không ngừng theo thời gian. Xen vào giữa những đoạn kể chuyện quá khứ chính là cảm giác của nhân vật “tôi” của hiện tại. Nếu trong quá khứ, ở tuổi 17, cô gái trẻ ấy trách cha mình “đã không có điều kiện cho tôi đi trại hè” thì “tôi” của hiện tại lại nhận ra “lẽ ra tôi phải thấy xấu hổ” (Ernaux, 2015, p. 42) vì việc đó. Hoặc sau này, khi “tôi” đã lập gia đình, có con, mỗi lần trở về thăm gia đình, thấy “cha mẹ vẫn như xưa, không có sự dè dặt trong thái độ, không có ngôn ngữ chuẩn, những thứ mà giờ đây tôi coi như lẽ đương nhiên. Tôi tự thấy mình tách biệt khỏi chính mình” (Ernaux, 2015, p. 50). Đó là sự tách biệt khỏi con người tư sản, trở về với những thói quen sinh hoạt của gia đình thuở nhỏ, với ngôn ngữ Normandie mà “tôi” từng xem thường. Quay trở về nhìn nhận quá khứ cũng chính là nhận ra mình đã thay đổi như thế nào và để nhận ra mình là ai giữa cuộc đời. Căn tính của “tôi” chính là sự tổng hòa của các yếu tố đó, vừa là sự ngại ngùng, xấu hổ của một người có xuất thân thấp vừa là sự tự hào về nguồn gốc, tầng lớp và sự

phấn đấu, nỗ lực của bản thân, gia đình và những người thuộc tầng lớp của mình.

4. KẾT LUẬN

Những khám phá mới về kí ức đã mở ra nhiều hướng đi cho các ngành khoa học xã hội nhân văn, đặc biệt là nghiên cứu văn học. Việc gắn liền kí ức với việc kiến tạo nên các diễn ngôn văn hóa đã giúp nghiên cứu văn học có giá trị thực tiễn hơn. Không phải ngẫu nhiên mà cả Patrick Modiano và Annie Ernaux đều viết về kí ức. Trong các tác phẩm của hai tác giả này, chúng ta nhìn thấy một nước Pháp rất khác so với những gì chúng ta thường được biết về một kinh đô văn chương của thế giới. Nó không còn là thế giới của những vẻ đẹp hào nhoáng, hoa mỹ và lãng mạn. Nếu Patrick Modiano chủ yếu dùng tưởng tượng để tạo nên kí ức về thời quá vãng thì Annie Ernaux lại thiên về cách viết ghi chép sự kiện. Sự khác biệt giữa hư cấu và hiện thực ấy lại gặp nhau ở một điểm chung: đó là cái nhìn phản tư sâu sắc. Đó là kí ức được viết nên từ nhóm những người bị ngoại biên hóa do dân tộc, nguồn gốc và giới tính, bên cạnh đó, kí ức còn là phương tiện then chốt để kiến tạo nên căn tính của chủ thể, giúp người đọc nhận thức về hiện thực trong quá khứ từ một góc nhìn mới, trải nghiệm mới. Không có một thực tại nào được tái hiện trọn vẹn trong một diễn ngôn, nhưng diễn ngôn lại giúp ta hình dung sự tồn tại của hiện thực. Vì vậy, vai trò quan trọng của kí ức còn ở chỗ nó dựng lên cách mà con người hiện đại nhìn về quá khứ, từ đó định hình suy nghĩ và hành động của chúng ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO (REFERENCES)

- Bamberg, M. (2009). Identity and Narration. In J. P. P. Hühn, *Handbook of Narratology* (pp. 132-143). Walter de Gruyter GmbH & Co KG. <https://doi.org/10.1515/9783110217445.132>
- Elias, N. (1994). *Established and the Outsiders*. University College Dublin Press.
- Ernaux, A. (2015). *La Place* (Nguyen Thi Thuy An translate). Ha Noi: The Writer's Association Publishing Houe.
- Mills, S. (2021). *Michel Foucault* (Nguyen Bao Trung translate). Ha Noi: Dan Tri Publishing House.
- Modiano, P. (2018). *The Nobel Prize acceptance speech of Patrick Modiano*. <https://breadandrose.com/blog/dien-tu-nhan-giai-nobel-cua-patrick-modiano/>
- Modiano, P. (2020). *Les Boulevards de ceinture* (Truong Xuan Huy translate). Ha Noi: The Writer's Association Publishing House.
- The Nobel Prize Outreach AB. (2014). *The Nobel Prize in Literature 2014 - Patrick Modiano*. <https://www.nobelprize.org/prizes/literature/2014/modiano/facts/>
- The Nobel Prize Outreach AB. (2022). *The Nobel Prize in Literature 2022 - Annie Ernaux*. <https://www.nobelprize.org/prizes/literature/2022/ernaux/facts/>